

BỘ Y TẾ
Số: 2481/BYT-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "quy chế đăng ký chất lượng thực phẩm"

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Điều 7 Chương II Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân và Điều lệ vệ sinh, ban hành theo Nghị định 23-HĐBT ngày 24-01-1991;

Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11-10-1993 của Chính phủ, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của Bộ Y tế;

Căn cứ điểm 1, Điều 4 của Nghị định 86/CP ngày 08-12-1995 về việc phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với chất lượng hàng hoá, giao cho Bộ Y tế chức năng quản lý Nhà nước về an toàn, vệ sinh thực phẩm;

Căn cứ thông tư Liên Bộ Y tế - Khoa học, Công nghệ và Môi trường số 07/TTLB ngày 01-7-1996 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/CP ngày 08-12-1995;

Được sự nhất trí của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường tại công văn số 1052/TĐC-THPC ngày 03-12-1996;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Vệ sinh phòng dịch - Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy chế đăng ký chất lượng thực phẩm".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-01-1997. Các quy định trước đây trái với các quy định trong Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3: Vụ trưởng Vụ Vệ sinh phòng dịch chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quyết định này.

Điều 4: Các ông Chánh văn phòng, chánh thanh tra Bộ, Vụ trưởng Vụ Vệ sinh phòng dịch, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính - Kế toán và các vụ liên quan, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thủ trưởng Y tế ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT.BỘ TRƯỞNG BỘ Y

TẾ

Thủ trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thường

QUY CHẾ

Đăng ký chất lượng thực phẩm

*(Ban hành kèm theo quyết định số 2481/QĐ-BYT ngày 18 tháng 12 năm 1996 của
Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng và phạm vi áp dụng:

1. Tất cả các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất, chế biến thực phẩm và doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm (gọi chung là cơ sở) thuộc danh mục hàng hoá phải đăng ký chất lượng do Bộ Y tế công bố vào tháng 9 hàng năm và thuộc danh mục bổ sung do Bộ Y tế ban hành, đều phải đăng ký chất lượng theo quy chế này.
2. Các thực phẩm nằm ngoài danh mục hàng hoá phải đăng ký chất lượng cũng có thể tự nguyện đăng ký chất lượng thực phẩm.

Điều 2: Trong văn bản này, một số thuật ngữ được hiểu như sau:

1. Thực phẩm: Tất cả các chất đã hoặc chưa chế biến nhằm sử dụng cho con người bao gồm đồ ăn, uống, nhai, ngậm, hút và các chất được sử dụng để sản xuất, chế biến hoặc xử lý thực phẩm nhưng không bao gồm mỹ phẩm hoặc những chất chỉ được dùng như dược phẩm.

2. Cơ sở thực phẩm: bao gồm các cơ sở của các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất, chế biến thực phẩm và doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP): là các chỉ tiêu chất lượng, an toàn về dinh dưỡng, vi sinh vật, nấm mốc, độc tố vi nấm, kim loại nặng, dư lượng hoá chất bảo vệ thực vật, phóng xạ, phụ gia thực phẩm và bao gói, ghi nhãn thực phẩm.

4. Cơ quan cấp đăng ký chất lượng thực phẩm (cơ quan cấp): là cơ quan quản lý nhà nước trong hệ thống ngành Y tế được phân cấp quản lý và cấp "Đăng ký chất lượng thực phẩm".

Điều 3: Quy định về đăng ký chất lượng thực phẩm:

1. Việc đăng ký chất lượng thực phẩm được thể hiện trên một văn bản thống nhất, gọi là "Bản đăng ký chất lượng thực phẩm". Đây là văn bản pháp quy kỹ thuật để cơ sở thực hiện, đồng thời là căn cứ pháp lý cho công việc thanh tra, kiểm tra chất lượng thực phẩm khi xảy ra các vụ ngộ độc hay trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm và các tranh chấp khác về hợp đồng kinh tế giữa cơ sở thực phẩm với khách hàng.

2. Bản đăng ký chất lượng thực phẩm không có giá trị thay cho "Phiếu kết quả kiểm nghiệm", cũng như không có giá trị xác nhận chất lượng thực phẩm của một lô hàng của cơ sở giao cho khách hàng.

3. Số đăng ký có giá trị thời hạn không quá 01 năm. Khi hết thời hạn này, cơ sở phải xin gia hạn nếu còn tiếp tục sản xuất, kinh doanh loại thực phẩm đó.

4. Số đăng ký chất lượng ghi trong bản đăng ký chất lượng thực phẩm được quy định như sau:

* Số đăng ký gồm 2 phần cách nhau bằng một gạch ngang (-)

- Phần trước là ký hiệu mã hoá của cơ quan cấp đăng ký. Ký hiệu quy ước của Bộ Y tế được thể hiện: YT; ký hiệu quy ước của các Sở y tế được thể hiện bằng ký hiệu "YT" cộng tên tỉnh viết tắt; ví dụ: Sở y tế Quảng Ninh được quy định là YTQN.

- Phần sau là số thứ tự của hàng hoá được cấp đăng ký và năm cấp đăng ký, cách nhau bằng một gạch chéo (/); năm cấp ghi bằng 2 số cuối cùng của năm đó.

* Thí dụ:

a) YT-01/97: là sản phẩm thứ nhất được đăng ký tại Bộ Y tế vào năm 1997.

b) YT-1234/97: là sản phẩm thứ 1234 được đăng ký tại Bộ Y tế vào năm 1997.

c) YTHCM-01/97: là sản phẩm thứ nhất được đăng ký tại Sở y tế thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1997.

d) YTHN-03/01: là sản phẩm thứ ba được đăng ký tại Sở y tế Hà Nội vào năm 2001.

Điều 4. Các căn cứ để đăng ký chất lượng hàng hoá là:

1. Các tiêu chuẩn Việt Nam bắt buộc áp dụng và tự nguyện áp dụng.
2. Các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
3. Các tiêu chuẩn khác (kể cả tiêu chuẩn cơ sở và tiêu chuẩn của nước ngoài) mà cơ sở tự nguyện áp dụng, nhưng không thấp hơn các tiêu chuẩn của Việt Nam.
4. Các quy định chất lượng nêu trong hợp đồng thương mại cũng là một trong các căn cứ để đăng ký chất lượng đối với trường hợp không có các căn cứ quy định tại khoản 1, 2, 3 của Điều này.
5. Các tiêu chuẩn Codex có giá trị áp dụng trong trường hợp chưa có các quy định khác của Việt Nam.

Điều 5: Nhãn sản phẩm là một nội dung bắt buộc trong đăng ký chất lượng và được đính kèm vào bản đăng ký chất lượng thực phẩm.

1. Nhãn sản phẩm phải được in, khắc, gắn... lên bao bì của từng sản phẩm hoặc bao bì của từng đơn vị bao gói lớn (kiện, bao, thùng...).
2. Việc nộp nhãn sản phẩm này không thay thế cho việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá được quy định tại Nghị định 197/HĐBT ngày 14-12-1982 và Nghị định 84/HĐBT ngày 20-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).
3. Tên thương mại của sản phẩm được lưu hành trong cả nước và ở mỗi địa phương không được trùng lặp với tên thương mại của sản phẩm khác đã được đăng ký.
4. Khi đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp... của sản phẩm thì cơ sở phải gửi bản sao giấy

chứng nhận đó cho cơ quan cấp đăng ký để quản lý và theo dõi.

Điều 6: Cơ quan cấp đăng ký chất lượng thực phẩm:

1. Bộ Y tế thống nhất quản lý và cấp số đăng ký cho các thực phẩm của các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài và cơ sở nhập khẩu, đồng thời có thể uỷ quyền cho các viện khu vực hay Sở Y tế có đủ điều kiện kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm của các đối tượng này tại cơ sở và trên thị trường.

Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng thực phẩm nhập khẩu và chỉ định cơ quan kiểm tra chất lượng thực phẩm nhập khẩu tại cửa khẩu được quy định trong một quyết định riêng.

2. Sở y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thống nhất quản lý và cấp số đăng ký cho các thực phẩm của các cơ sở trong nước đóng trên địa bàn, đồng thời chỉ đạo thanh tra y tế, trạm trung tâm vệ sinh phòng dịch phối hợp chặt chẽ với các đội Vệ sinh phòng dịch có đủ điều kiện và với thanh tra các ngành liên quan trong địa bàn kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm của các đối tượng này tại cơ sở và trên thị trường.

Chương II

NỘI DUNG VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG THỰC PHẨM

Điều 7: Điều kiện cấp số đăng ký:

1. Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm xin cấp số đăng ký phải đạt tiêu chuẩn ATVSTP về tình trạng vệ sinh cơ sở, trang thiết bị sản xuất và các yêu cầu quản lý sức khỏe, tổ chức học tập kiến thức ATVSTP đối với người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm.

2. Sản phẩm xin cấp số đăng ký phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại các khoản của Điều 4 của Quy chế này.

3. Đối với các chất, các phụ gia thực phẩm được cơ sở sử dụng trong chế biến thực phẩm hay nằm trong thành phần của thực phẩm ngoài danh mục được phép sử dụng ở Việt Nam, cơ quan cấp đăng ký không làm thủ tục cấp đăng ký hoặc phải